

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **562** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày **24** tháng **12** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 412/2020/HNGĐ-ST ngày 02/10/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh NKC, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

* **Bị đơn:** Chị NTT, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa: Anh NKC có đơn xin xét xử vắng mặt; chị NTT vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh NKC trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị NTT kết hôn năm 2005 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất

đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên không nói chuyện, chia sẻ được với nhau. Đến tháng 10/2019, chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh xin ly hôn với chị T để cả 02 ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu NTHT1, sinh ngày 04/8/2006, cháu NKDH, sinh ngày 24/01/2008. Hiện cả 02 cháu đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu, nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đang kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 10 triệu/tháng, anh có nhà cửa rộng rãi đủ cho các cháu sinh hoạt, các cháu hiện vẫn đang ở với anh từ trước tới nay.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn – chị NTT vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai chị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh NKC kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh C tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống với nhau trong suốt 10 năm, về mặt tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tháng 8/2016 chị thấy anh C có mối quan hệ tình cảm với người khác và vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ đó cho đến nay, anh C thường xuyên có những mối quan hệ bên ngoài làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng và ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của chị T. Do không chịu đựng được nên chị đã chuyển đến nhà bố mẹ đẻ tại xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội để ở cho tinh thần được ổn định. Trong thời gian ở nhà bố mẹ đẻ chị vẫn thường xuyên lên thăm anh C và các con. Nay anh C xin ly hôn với chị thì chị nhận thấy tình cảm vẫn còn và chị đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ. Trong trường hợp anh C cương quyết xin ly hôn thì chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu NTHT1, sinh ngày 04/8/2006, cháu NKDH, sinh ngày 24/01/2008. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị đang kinh doanh tự do có thu nhập và có nhà cửa đủ điều kiện chăm sóc các con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/11/2020, bà TTT2 là mẹ chị NTT trình bày:*

Về hôn nhân: Bà T2 thừa nhận quá trình kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như anh C và chị T trình bày. Bà T2 không biết về việc vợ chồng có mâu thuẫn hay cãi nhau hay không do bà không ở cùng. Bà T2 thừa nhận từ tháng 10/2019, chị T đã chuyển về ở với bà cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chỉ có chị T lên thăm các con, bà không thấy anh C về thăm chị T và hỏi thăm gia đình nhà vợ. Nay anh C xin ly hôn với chị T thì đó là chuyện riêng của 02 anh chị, bà không can thiệp.

Về con chung: Bà T2 thừa nhận anh C và chị T có 02 con chung là cháu NTHT1, sinh ngày 04/8/2006, cháu NKDH, sinh ngày 24/01/2008. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh C. Việc ai nuôi dưỡng các cháu sau khi ly hôn là việc riêng của anh C, chị T, bà không can thiệp.

** Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con chung: Cả 02 con chung của anh C và chị T là cháu NTHT1 và cháu NKDH đều có nguyện vọng được ở cùng anh C (bố đẻ).*

Tại phiên tòa: Anh NKC có đơn xin xét xử vắng mặt và chị NTT vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Nguyên đơn anh NKC chấp hành đúng quy định của pháp luật, Bị đơn chị NTT chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho anh NKC được ly hôn chị NTT; *Về con chung:* Đề nghị giao 02 con chung là cháu NTHT1 và cháu NKDH cho anh C để tránh xáo trộn về sinh hoạt đối với các cháu; *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Anh NKC phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị NTT hiện cư trú tại xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh NKC và chị NTT kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo anh C thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, chị T cho rằng do anh C có nhiều mối quan hệ với người khác nên vợ chồng mâu thuẫn và đến tháng 10/2019 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Việc vợ chồng có mâu thuẫn và chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10/2019, chị T và Bà T2 (mẹ chị T) đều thừa nhận, tuy nhiên chị T nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh C và vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Nhận thấy: Anh NKC và chị NTT đã ly thân một thời gian tương đối dài (từ tháng 10/2019 đến nay), việc mâu thuẫn vợ chồng chị T và Bà T2 (mẹ chị T) thừa nhận. Trong thời gian ly thân, giữa anh C và chị T không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng, nay anh C cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa anh C và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh NKC và cho anh NKC được ly hôn chị NTT để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Anh NKC và chị NTT có 02 con chung là cháu NTHT1, sinh ngày 04/8/2006, cháu NKDH, sinh ngày 24/01/2008. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với anh C. Ly hôn, cả anh C và chị T đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cả 02 con chung là cháu T1 và cháu H đều có nguyện vọng được ở cùng với anh C. Xét thấy: Cả 02 con chung đều đang ở cùng anh C, đang học tập, sinh hoạt ổn định cùng với anh C từ khi anh C và chị T ly thân cho đến nay, nay anh C có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, cả 02 cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với anh C, anh C có đủ điều kiện chăm sóc cả 02 cháu nên cần giao cả 02 con chung là cháu T1 và cháu H cho anh C chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 và cháu H đủ 18 tuổi để tránh xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt của các cháu. Mặt khác, nhà chị T ở xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ có khoảng cách không xa so với nhà anh C tại khu Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ (khoảng 03 km) nên việc giao con chung cho anh C không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung của chị T.

Chị NTT có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh NKC không yêu cầu chị NTT cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T cho đến khi có quyết định khác.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh NKC và chị NTT không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh NKC phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh NKC được ly hôn chị NTT.

2. Về con chung: Anh NKC và chị NTT có 02 con chung là cháu NTHT1, sinh ngày 04/8/2006, cháu NKDH, sinh ngày 24/01/2008.

Giao cả 02 con chung là cháu NTHT1, sinh ngày 04/8/2006, cháu NKDH, sinh ngày 24/01/2008 cho anh C chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 và cháu H đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Chị NTT có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh NKC không yêu cầu chị NTT cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T cho đến khi có quyết định khác.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Anh NKC phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh NKC đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0010065 ngày 02 tháng 10 năm 2020*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh NKC và chị NTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long